

| | |
|---|--|
| <p>49. Kinh Phạm Thiên Cầu Thỉnh</p> | <p>49. The Invitation of a Brahmā (<i>Brahmanimantanika Sutta</i>)</p> |
| <p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p> | <p>A Summary of the Sutta (Author: Bhikkhu Bodhi)</p> |
| <p>49. Kinh Phạm thiên cầu thỉnh (P. <i>Brahmanimantanika-suttam</i>, H. 梵天請經) tương đương <i>Phạm thiên thỉnh Phật kinh</i>.⁵² Cuộc đối thoại thú vị giữa đức Phật, Thiên chủ Baka và Ác ma. Ác ma cho rằng Baka là đấng Sáng thế. Baka biểu diễn thần thông, cho rằng cõi trời của Ông là thiên đường vĩnh hằng. Đức Phật lần lượt phân tích các sai lầm của Baka và Ác ma. Đức Phật hướng dẫn mọi người thực tập Chánh pháp, chuyển hóa phiền não, vượt qua khổ đau.</p> | <p>49. <i>Brahmanimantanika Sutta: The Invitation of a Brahmā.</i> Baka the Brahmā, a high divinity, adopts the pernicious view that the heavenly world over which he presides is eternal and that there is no higher state beyond. The Buddha visits him to dissuade him from that wrong view and engages him in a contest of Olympian dimensions.</p> |
| <p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p> | <p>English Translation from Pāli: Bhikkhu Nāṇamoli & Bhikkhu Bodhi</p> |
| <p>Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở Sāvattṭhī, tại Jetavana, vườn Ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).</p> <p>Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: -- Này các Tỷ-kheo. -- Bạch Thế Tôn. Các Tỷ-kheo vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:</p> <p>-- Một thời, này các Tỷ-kheo, Ta ở tại Ukkaṭṭhā trong rừng Subhagavana, dưới gốc cây sa-la vương.</p> <p>Lúc bấy giờ, này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Baka khởi lên ác tà kiến như sau: "Cái này là thường, cái này là thường hằng, cái này là thường tại, cái này là toàn diện, cái này không bị biến hoại, cái này không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, ngoài cái này, không có một</p> | <p>[326] 1. THUS HAVE I HEARD. On one occasion the Blessed One was living at Sāvattṭhī in Jeta’s Grove, Anāthapiṇḍika’s Park.</p> <p>There he addressed the bhikkhus thus: “Bhikkhus.” — “Venerable sir,” they replied. The Blessed One said this:</p> <p>2. “Bhikkhus, on one occasion I was living at Ukkaṭṭhā in the Subhaga Grove at the root of a royal sāla tree.⁴⁹⁹ Now on that occasion a pernicious view had arisen in Baka the Brahmā thus: ‘This is permanent, this is everlasting, this is eternal, this is total, this is not subject to pass away; for this is where one is neither born nor ages nor dies nor passes away nor reappears, and beyond this there</p> |

giải thoát nào khác hơn".

Này các Tỷ-kheo, sau khi với tự tâm biết được tâm của Phạm thiên Baka, như người lực sĩ duỗi ra cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, Ta biến mất tại Ukkaṭṭhā, rừng Sabhagavana, dưới gốc cây sa-la vương, và hiện ra tại cõi Phạm thiên ấy.

Này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Baka thấy Ta từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Ta:

"-- Hãy đến, Tôn giả, thiện lai Tôn giả, đã lâu, nay Tôn giả mới có dịp đến đây.

Này Tôn giả, cái này là toàn diện, cái này là thường hằng, cái này là thường tại, cái này là toàn diện, cái này không bị biến hoại, cái này không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, ngoài cái này không có một giải thoát nào khác hơn.

Khi nghe nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với Phạm thiên Baka:

"-- Thật sự Phạm thiên Baka bị chìm đắm trong vô minh, thật sự Phạm thiên Baka bị chìm đắm trong vô minh, khi cái vô thường lại nói là thường, cái không thường hằng lại nói là thường hằng, cái không thường tại lại nói là thường tại, cái không toàn diện lại nói là toàn diện, cái bị biến hoại lại nói là không biến hoại,

và tại chỗ có sanh, có già, có chết, có diệt, có khởi, lại nói không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi; có một giải thoát khác hơn lại nói là không có một giải thoát nào khác hơn."

is no other escape.⁵⁰⁰

3. "I knew with my mind the thought in the mind of Baka the Brahmā, so just as quickly as a strong man might extend his flexed arm or flex his extended arm, I vanished from the root of the royal sāla tree in the Subhaga Grove at Ukkaṭṭhā and appeared in that Brahma-world.

Baka the Brahmā saw me coming in the distance and said:

'Come, good sir! Welcome, good sir! It is long, good sir, since you found an opportunity to come here.

Now, good sir, this is permanent, this is everlasting, this is eternal, this is total, this is not subject to pass away; for this is where one is neither born nor ages nor dies nor passes away nor reappears, and beyond this there is no other escape.'

4. "When this was said, I told Baka the Brahmā:

'The worthy Baka the Brahmā has lapsed into ignorance; he has lapsed into ignorance in that he says of the impermanent that it is permanent, of the transient that it is everlasting, of the non-eternal that it is eternal, of the incomplete that it is total, of what is subject to pass away that it is not subject to pass away,

of where one is born, ages, dies, passes away, and reappears, that here one is neither born nor ages nor dies nor passes away nor reappears; and when there is another escape beyond this, he says there is no other escape beyond this.'

Này các Tỷ-kheo, rồi Ác ma nhập vào một Phạm thiên quyến thuộc và nói với Ta như sau:

"-- Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chớ có can thiệp vào đây! Chớ có can thiệp vào đây! Này Tỷ-kheo, Phạm thiên này là Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh.

Này Tỷ-kheo, thuở xưa có những Sa-môn, Bà-la-môn, ở đời phỉ báng địa đại, ghê tởm địa đại, phỉ báng thủy đại, ghê tởm thủy đại, phỉ báng hỏa đại, ghê tởm hỏa đại, phỉ báng phong đại, ghê tởm phong đại,

phỉ báng chúng sanh, ghê tởm chúng sanh, phỉ báng chư Thiên, ghê tởm chư Thiên, phỉ báng Sanh chủ, ghê tởm Sanh chủ, phỉ báng Phạm thiên, ghê tởm Phạm thiên, sau khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, phải an trú vào thân ti tiện.

Này các Tỷ-kheo, còn những Sa-môn, Bà-la-môn ở đời xưa kia, tán thán địa đại, hoan hỷ địa đại, tán thán thủy đại, hoan hỷ thủy đại, tán thán hỏa đại, hoan hỷ hỏa đại, tán thán phong đại, hoan hỷ phong đại,

tán thán chúng sanh, hoan hỷ chúng sanh, tán thán chư Thiên, hoan hỷ chư Thiên, tán thán Sanh chủ, hoan hỷ Sanh chủ, tán thán Phạm thiên, hoan hỷ Phạm thiên, sau khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, những vị này được an

5. "Then Māra the Evil One took possession of a member of the Brahmā's Assembly,⁵⁰¹ and he told me:

'Bhikkhu, bhikkhu, do not disparage him, do not disparage him; for this Brahmā is the Great Brahmā, [327] the Overlord, the Untranscended, of Infallible Vision, Wielder of Mastery, Lord Maker and Creator, Most High Providence, Master and Father of those that are and ever can be.

Before your time, bhikkhu, there were recluses and brahmins in the world who condemned earth and were disgusted with earth,⁵⁰² who condemned water and were disgusted with water, who condemned fire and were disgusted with fire, who condemned air and were disgusted with air,

who condemned beings and were disgusted with beings, who condemned gods and were disgusted with gods, who condemned Pajāpati and were disgusted with Pajāpati, who condemned Brahmā and were disgusted with Brahmā; and on the dissolution of the body, when their life was cut off, they became established in an inferior body.⁵⁰³

Before your time, bhikkhu, there were also recluses and brahmins in the world who lauded earth and delighted in earth,⁵⁰⁴ who lauded water and delighted in water, who lauded fire and delighted in fire, who lauded air and delighted in air,

who lauded beings and delighted in beings, who lauded gods and delighted in gods, who lauded Pajāpati and delighted in Pajāpati, who lauded Brahmā and delighted in Brahmā; and on the dissolution of the body, when their life

trú vào các thân vi diệu.

Này các Tỷ-kheo, vì vấn đề này, ta nói như sau: "Phàm Phạm thiên nói với Ông những gì, Ông hãy làm như vậy. Ông chớ có đi quá xa lời Phạm thiên nói.

Này Tỷ-kheo, nếu Ông đi quá xa lời Phạm thiên nói, thì giống như người dùng gậy đánh đập thần tài (Siri) đang đi đến; giống như một người đang rơi vào vực thẳm, tay chân lại không bám vào đất.

Này Tỷ-kheo, sự việc sẽ xảy ra cho Ông như vậy. Này Tỷ-kheo, phàm Phạm thiên nói với Ông những gì, Ông hãy làm như vậy, Ông chớ có đi quá xa lời Phạm thiên nói. Này Tỷ-kheo, Ông có thấy chúng Phạm thiên đang ngồi chăng?"

Rồi này các Tỷ-kheo, Ác ma dắt Ta đến chúng Phạm thiên. Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với Ác ma như sau:

"-- Này Ác ma, Ta biết Người. Chớ có nghĩ rằng: "Vị ấy không biết ta". Người là Ác ma. Này Ác ma, phàm là Phạm thiên, phàm là Phạm thiên chúng, phàm là Phạm thiên quyến thuộc, tất cả đều nằm trong tay của Người, tất cả đều nằm trong quyền lực của Người.

Này Ác ma, nếu Người nghĩ rằng: "Mong vị này nằm trong tay ta; mong vị này nằm trong quyền lực của ta!" Này Ác ma, Ta không nằm trong tay của Người. Ta không nằm trong quyền lực của Người.

Này các Tỷ-kheo, khi được nói vậy, Phạm thiên Baka nói với Ta như sau:

was cut off, they became established in a superior body.⁵⁰⁵

So, bhikkhu, I tell you this: Be sure, good sir, to do only as the Brahmā says; never overstep the word of the Brahmā.

If you overstep the word of the Brahmā, bhikkhu, then, like a man using a stick to chase away the goddess of luck when she approaches, or like a man missing the earth with his hands and feet as he slips into a deep chasm, so it will befall you, bhikkhu.

Be sure, good sir, to do only as the Brahmā says; never overstep the word of the Brahmā. Do you not see the Brahmā's Assembly seated here, bhikkhu?' And Māra the Evil One thus called to witness the Brahmā's Assembly.⁵⁰⁶

6. "When this was said, I told Māra the Evil One:

'I know you, Evil One. Do not think: "He does not know me." You are Māra, Evil One, and the Brahmā and the Brahmā's Assembly and the members of the Brahmā's Assembly have all fallen into your hands, they have all fallen into your power.

You, Evil One, think: "This one too has fallen into my hands, he too has fallen into my power"; but I have not fallen into your hands, Evil One, I have not fallen into your power.'

7. "When this was said, Baka the Brahmā told me:

"-- Này Tôn giả, cái gì thường còn, ta nói là thường còn; cái gì thường hằng, ta nói là thường hằng; cái gì thường tại, ta nói thường tại; cái gì toàn diện, ta nói là toàn diện; cái gì không biến hoại, ta nói là không biến hoại.

Ở đây, cái gì không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi, ta nói rằng cái ấy không sanh, không già, không chết, không diệt, không khởi,

và vì không có một sự giải thoát nào khác hơn, ta nói là không có một sự giải thoát nào khác hơn.

Này Tỷ-kheo, xưa kia có những Sa-môn, Bà-la-môn ở trong những đời trước Ông; những vị này đã tu hành khổ hạnh lâu dài cho đến trọn tuổi thọ của những người đó, những vị này phải biết:"

Hoặc có một sự giải thoát khác hơn, thì biết rằng có một sự giải thoát khác hơn; hoặc không có một sự giải thoát khác hơn, thì biết rằng không có một sự giải thoát nào khác hơn".

Này Tỷ-kheo, ta nói như sau với Ông: Ông sẽ không thấy một giải thoát nào khác hơn, dầu ông có phải chịu đựng mệt nhọc và khổ cực.

Này Tỷ-kheo, nếu Ông y trước địa đại, Ông sẽ gần ta, trú tại lãnh địa của ta, làm theo ý ta muốn, bị đứng ngoài lề;

nếu Ông y trước thủy đại... hỏa đại... phong đại... chúng sanh... Chư thiên... Sanh chủ... Nếu Ông y trước Phạm thiên, Ông sẽ gần ta, trú tại lãnh địa của ta, làm theo ý ta muốn, bị đứng ra ngoài lề.

"-- Này Phạm thiên, Ta biết việc này.

Nếu Ta y trước địa đại... thủy đại... hỏa đại... phong đại... chúng sanh... chư Thiên... Sanh chủ...

'Good sir, I say of the permanent that it is permanent, [328] of the everlasting that it is everlasting, of the eternal that it is eternal, of the total that it is total, of what is not subject to pass away that it is not subject to pass away,

of where one is neither born nor ages nor dies nor passes away nor reappears that here one is neither born nor ages nor dies nor passes away nor reappears;

and when there is no escape beyond this, I say that there is no escape beyond this.

Before your time, bhikkhu, there were recluses and brahmins in the world whose asceticism lasted as long as your whole life.

They knew, when there is another escape beyond, that there is another escape beyond, and when there is no other escape beyond, that there is no other escape beyond.

So, bhikkhu, I tell you this: You will find no other escape beyond, and eventually you will reap only weariness and disappointment.

If you will hold to earth, you will be close to me, within my domain, for me to work my will upon and punish.⁵⁰⁷

If you hold to water... to fire... to air... to beings... to gods... to Pajāpati... to Brahmā, you will be close to me, within my domain, for me to work my will upon and punish.'

8. "I know that too, Brahmā.

If I will hold to earth, I shall be close to you, within your domain, for you to work your will upon and punish.

Nếu Ta y trước Phạm thiên, Ta sẽ gần Ông, trú tại lãnh địa của Ông, làm theo ý Ông muốn, bị đứng ra ngoài lề.

Lại nữa, này Phạm thiên, Ta biết sanh thú (*gati*) của Ông và Ta biết sự quang vinh của Ông. Phạm thiên Baka có thần lực như vậy; Phạm thiên Baka có quyền lực như vậy; Phạm thiên Baka có uy lực như vậy.

"-- Này Tỳ-kheo, như Ông biết sanh thú, Ông biết sự quang vinh của ta: "Phạm thiên Baka có thần lực như vậy; Phạm thiên Baka có quyền lực như vậy; Phạm thiên Baka có uy lực như vậy".

"- Như nhật nguyệt lưu chuyển,
Sáng chói khắp mười phương,
Như vậy mười Thiên giới,
Dưới uy lực của Ông.

Ông biết chỗ cao thấp,
Có dục và không dục,
Hữu này và hữu kia,
Chỗ đến, đi hữu tình.

Như vậy, này Phạm thiên, Ta biết chỗ sanh thú và sự quang vinh của Ông: "Phạm thiên Baka có thần lực như vậy; Phạm thiên Baka có quyền lực như vậy; Phạm thiên Baka có uy lực như vậy".

Này Phạm thiên, có ba loại chư Thiên mà Ông không biết, không thấy, nhưng Ta biết, Ta thấy. Này Phạm thiên, có loại chư Thiên tên là Ābhassara (Quang âm thiên), từ

If I will hold to water... to fire... to air... to beings... to gods... to Pajāpati... to Brahmā, I shall be close to you, within your domain, for you to work your will upon and punish.

Further, I understand your reach and your sway to extend thus: Baka the Brahmā has this much power, this much might, this much influence.'

"Now, good sir, how far do you understand my reach and my sway to extend?"

9. "As far as moon and sun revolve
Shining and lighting up the quarters,
Over a thousandfold such world
Does your sovereignty extend.

And there you know the high and low,
And those with lust and free from lust,
The state that is thus and otherwise,
The coming and going of beings.

Brahmā, I understand your reach and your sway to extend thus: Baka the Brahmā has this much power, this much might, [329] this much influence.⁵⁰⁸

10. "But, Brahmā, there are three other bodies, which you neither know nor see, and which I know and see. There is the body called [the gods of] Streaming Radiance, from

chư Thiên này, Ông mạng chung, và sanh ở nơi đây.

Nhưng vì Ông an trú (*nivāsa*) ở đây quá lâu, nên Ông không nhớ được. Do đó, Ông không biết, không thấy, còn Ta biết, Ta thấy.

Như vậy, này Phạm Thiên, Ta còn không chịu ngang hàng Ông về thượng trí huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn Ông.

Này Phạm thiên, lại có một loại chư Thiên tên là Subhakiṇha (Biển tịnh thiên)... lại có một loại chư Thiên tên là Vehapphala (Quảng quả thiên) mà Ông không biết, không thấy, nhưng Ta biết, Ta thấy.

Như vậy, này Phạm thiên, Ta còn không chịu ngang hàng Ông về thượng trí, huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn Ông.

Này Phạm thiên, Ta biết địa đại từ địa đại, cho đến giới vực địa đại, Ta không lãnh thọ địa tánh; do biết địa đại, Ta không nghĩ: "Ta là địa đại. Ta ở trong địa đại, Ta từ địa đại, địa đại là của Ta, và Ta không tôn trọng địa đại".

Như vậy, này Phạm thiên, Ta còn không chịu ngang hàng Ông về thượng trí, huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn Ông.

Này Phạm thiên, Ta biết thủy đại... Này Phạm thiên, Ta biết hỏa đại... Này Phạm thiên, Ta biết phong đại...

Này Phạm thiên, Ta biết chúng sanh...

which you passed away and reappeared here.⁵⁰⁹

Because you have dwelt here long, your memory of that has lapsed, and hence you do not know or see it, but I know and see it.

Thus, Brahmā, in regard to direct knowledge I do not stand merely at the same level as you, how then could I know less? Rather, I know more than you.⁵¹⁰

“There is the body called [the gods of] Refulgent Glory... There is the body called [the gods of] Great Fruit. You do not know or see that, but I know and see it.

Thus, Brahmā, in regard to direct knowledge I do not stand merely at the same level as you, how then could I know less? Rather, I know more than you.

11. “Brahmā, having directly known earth as earth, and having directly known that which is not partaken of the earthness of earth, I did not claim to be earth, I did not claim to be in earth, I did not claim to be apart from earth, I did not claim earth to be “mine,” I did not affirm earth.⁵¹¹

Thus, Brahmā, in regard to direct knowledge I do not stand merely at the same level as you, how then could I know less? Rather, I know more than you.

12–23. “Brahmā, having directly known water as water... fire as fire... air as air...

beings as beings...

Này Phạm thiên, Ta biết chư Thiên...
Này Phạm thiên, Ta biết Sanh chủ...
Này Phạm thiên, Ta biết Phạm thiên...

Này Phạm thiên, Ta biết Ābhassara (Quang âm thiên)...
Này Phạm thiên, Ta biết Subhakiṇha (Biển tịnh thiên)...
Này Phạm thiên, Ta biết Vahapphala (Quảng quả thiên)...
Này Phạm thiên, Ta biết Abhibhū (Thắng giải)...

Này Phạm thiên, Ta biết tất cả (*sabba*) từ tất cả, cho đến giới vực tất cả, Ta không lãnh thọ nhứt thiết tánh, Ta không nghĩ: "Ta là tất cả, Ta ở trong tất cả, Ta từ tất cả, tất cả là của Ta, và Ta không tôn trọng tất cả".

Như vậy, này Phạm thiên, Ta còn không chịu ngang hàng Ông về thượng trí, huống nữa là thấp hơn. Do vậy, Ta thù thắng hơn Ông.

"-- Này Tôn giả, đối với tất cả, nếu Tôn giả không lãnh thọ nhất thiết tánh, thì đối với Tôn giả, trở thành trống không, trống rỗng.

Thực là phi sở kiến, không biên tế, chói sáng tất cả, nếu không thể lãnh thọ địa đại ngang qua địa tánh,
không thể lãnh thọ thủy đại ngang qua thủy tánh,
không thể lãnh thọ hỏa đại ngang qua hỏa tánh,
không thể lãnh thọ phong đại ngang qua phong tánh,

không thể lãnh thọ chúng sanh ngang qua chúng sanh tánh,
không thể lãnh thọ chư Thiên ngang qua chư Thiên tánh,

gods as gods...
Pajāpati as Pajāpati...
Brahmā as Brahmā...

the gods of Streaming Radiance as the gods of Streaming Radiance...
the gods of Refulgent Glory as the gods of Refulgent Glory...
the gods of Great Fruit as the gods of Great Fruit...
the Overlord as the Overlord...

all as all, and having directly known that which is not partaken of the allness of all, I did not claim to be all, I did not claim to be in all, I did not claim to be apart from all, I did not claim all to be "mine," I did not affirm all.

Thus, Brahmā, in regard to direct knowledge, I do not stand merely at the same level as you, how then could I know less? Rather, I know more than you.'

24. "“Good sir, if that is not partaken of by the allness of all, may it not turn out to be vacuous and empty for you!”⁵¹²

25. "“Consciousness non-manifesting, Boundless, luminous all-round.⁵¹³ that is not partaken of by the earthness of earth, that is not partaken of by the wateriness of water... [330]... that is not partaken of by the allness of all.’

không thể lãnh thọ Sanh chủ ngang qua Sanh chủ tánh,
không thể lãnh thọ Phạm thiên ngang qua Phạm thiên
tánh,

không thể lãnh thọ Quang âm thiên ngang qua Quang âm
thiên tánh,

không thể lãnh thọ Biến tịnh thiên ngang qua Biến tịnh
thiên tánh,

không thể lãnh thọ Quảng quả thiên ngang qua Quảng
quả thiên tánh,

không thể lãnh thọ Abhibhū (Thắng giả) ngang qua
Abhibhū (Thắng giả) tánh,

không thể lãnh thọ nhứt thiết ngang qua nhứt thiết tánh.

Này Tôn giả, nay ta sẽ biến mất trước mặt Tôn giả.

"-- Này Phạm thiên, hãy biến đi trước mặt Ta, nếu Ông
có thể biến được.

Rồi này các Tỷ-kheo, Phạm thiên Baka nói:

"-- Ta sẽ biến mất trước mặt Sa-môn Gotama. Ta sẽ biến
mất trước Sa-môn Gotama.

Nhưng Phạm thiên Baka không biến mất trước mặt Ta.
Này các Tỷ-kheo, khi nghe nói vậy, Ta nói với Phạm thiên
Baka:

"-- Này Phạm thiên, Ta sẽ biến mất trước mặt Ông.

"-- Này Tôn giả, Tôn giả hãy biến đi trước mặt Ta, nếu
Tôn giả có thể biến được.

Rồi này các Tỷ-kheo, Ta thực hiện thần thông như sau:
"Hãy để cho Phạm thiên, Phạm thiên chúng và Phạm thiên

26. "“Good sir, I shall vanish from you.”

“Vanish from me if you can, Brahmā.”

“Then Baka the Brahmā, saying: ‘I shall vanish from the
recluse Gotama, I shall vanish from the recluse Gotama,’
was unable to vanish. Thereupon I said:

‘Brahmā, I shall vanish from you.’

“Vanish from me if you can, good sir.”

“Then I performed such a feat of supernormal power that
the Brahmā and the Brahmā’s Assembly and the members

quyển thuộc nghe tiếng Ta chớ không thấy Ta", Ta biến mất và nói lên bài kệ như sau:

"Thấy nguy hiểm trong hữu,
Từ hữu, tìm phi hữu (*vibhava*),
Ta không tôn trọng hữu,
Không hỷ, không chấp trước".

Rồi này các Tỷ-kheo, Phạm thiên, Phạm thiên chúng và Phạm thiên quyển thuộc, tâm sanh vì diệu hy hữu, nói lên như sau: "Thật vi diệu thay, chư Tôn giả! Thật hy hữu thay, chư Tôn giả!

Đại thần lực, đại uy lực của Sa-môn Gotama. Thật sự từ trước đến nay chưa từng thấy, chưa từng nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có được đại thần lực, đại uy lực như Sa-môn Gotama, là Thích Tử, xuất gia từ dòng họ Sākya.

Đối với quần chúng ái trước hữu, lạc nhiễm, hoan hỷ đối với hữu (Sa-môn Gotama) đã nhổ hữu lên tận cả gốc rễ!"

Rồi này các Tỷ-kheo, Ác ma sau khi nhập vào một trong Phạm thiên quyển thuộc đã nói với Ta như sau:

"-- Này Tôn giả, nếu Ông biết như vậy, giác ngộ như vậy, chớ có hướng dẫn đệ tử, chớ có hướng dẫn các vị xuất gia, chớ có thuyết pháp cho các đệ tử, chớ có thuyết pháp cho các vị xuất gia, chớ có ái luyến đệ tử, chớ có ái luyến các vị xuất gia.

Này Tỷ-kheo, trước Ông đã có những vị Sa-môn, Bà-la-môn ở đời tự xưng là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

of the Brahmā's Assembly could hear my voice but could not see me. After I had vanished, I uttered this stanza:

27. "Having seen fear in being
And [having seen] that being will cease to be,
I did not welcome any kind of being,
Nor did I cling to delight."⁵¹⁴

28. "At that the Brahmā and the Brahmā's Assembly and the members of the Brahmā's Assembly were struck with wonder and amazement, saying: 'It is wonderful, sirs, it is marvellous, the great power and great might of the recluse Gotama!

We have never before seen or heard of any other recluse or brahmin who had such great power and such great might as has this recluse Gotama, who went forth from a Sakyan clan.

Sirs, though living in a generation that delights in being, that takes delight in being, that rejoices in being, he has extirpated being together with its root.'

29. "Then Māra the Evil One took possession of a member of the Brahmā's Assembly, and he said to me:

'Good sir, if that is what you know, if that is what you have discovered, do not guide your [lay] disciples or those gone forth, do not teach the Dhamma to your [lay] disciples or to those gone forth, have no yearning for [lay] disciples or for those gone forth.

Before your time, bhikkhu, there were recluses and brahmins in the world claiming to be accomplished and fully

Những vị này hướng dẫn đệ tử, hướng dẫn các vị xuất gia, thuyết pháp cho các đệ tử, thuyết pháp cho các vị xuất gia, ái luyện các đệ tử, ái luyện các vị xuất gia.

Sau khi hướng dẫn các đệ tử, các vị xuất gia, sau khi thuyết pháp cho các đệ tử, các vị xuất gia, sau khi ái luyện các đệ tử, các vị xuất gia, khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, những vị này bị an trú trong các thân hạ liệt.

Này Tỷ-kheo, trước Ông đã có những vị Sa-môn, Bà-la-môn ở đời, tự xưng là bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Những vị này không hướng dẫn đệ tử, không hướng dẫn các vị xuất gia, không thuyết pháp cho đệ tử, không thuyết pháp cho các vị xuất gia, không ái luyện các đệ tử, không ái luyện các vị xuất gia.

Sau khi không hướng dẫn các đệ tử, không hướng dẫn các vị xuất gia, không thuyết pháp cho các đệ tử, không thuyết pháp cho các vị xuất gia, không ái luyện các đệ tử, không ái luyện các vị xuất gia,

khi thân hoại, mạng sống bị cắt đứt, các vị này được an trú trong thân vi diệu.

Này Tỷ-kheo, ta nói với Ông như sau: "Này Tôn giả, chớ có phiền lao cực nhọc, hãy sống lạc trú hiện tại. Này Tôn giả, chớ có nêu rõ việc thiện. Này Tôn giả, chớ có giảng dạy cho người khác!"

Này các Tỷ-kheo khi nghe nói vậy, Ta nói với Ác ma như sau: "-- Này Ác ma, Ta biết Ngươi! Ngươi chớ có nghĩ rằng: "Vị ấy không biết ta". Này Ác ma, Ngươi là Ác ma! Ngươi là Ác ma!

Này Ác ma, Ngươi nói như vậy không phải vì lòng thương tưởng đối với Ta. Này Ác ma, Ngươi nói như vậy vì không có lòng thương tưởng đối với Ta.

enlightened, and they guided their [lay] disciples and those gone forth; they taught the Dhamma to their [lay] disciples and to those gone forth;

they had a yearning for [lay] disciples and for those gone forth; and on the dissolution of the body, when their life was cut off, they became established in an inferior body.

Before your time, bhikkhu, there were also recluses and brahmins in the world claiming to be accomplished and fully enlightened, [331]

and they did not guide their [lay] disciples or those gone forth; they did not teach the Dhamma to their [lay] disciples or to those gone forth; they had no yearning for [lay] disciples or for those gone forth;

and on the dissolution of the body, when their life was cut off, they became established in a superior body.

So, bhikkhu, I tell you this: Be sure, good sir, to abide inactive, devoted to a pleasant abiding here and now; this is better left undeclared, and so, good sir, do not advise anyone else.⁵¹⁵

30. "When this was said, I told Māra the Evil One: 'I know you, Evil One. Do not think: "He does not know me." You are Māra, Evil One.

It is not out of compassion for their welfare that you speak thus, it is without compassion for their welfare that you speak thus.

You think thus, Evil One: "Those to whom the recluse

Này Ác ma, Người nghĩ như sau: "Những ai được Sa-môn Gotama thuyết pháp, những người ấy sẽ thoát ra ngoài tầm tay ảnh hưởng của ta".

Này Ác ma, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy không phải Chánh Đẳng Giác, nhưng tự xưng là: "Chúng ta là Chánh Đẳng Giác". Này Ác ma, Ta là Chánh Đẳng Giác và Ta tự xưng Ta là Chánh Đẳng Giác.

Này Ác ma, Như Lai có thuyết pháp cho đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai. Này Ác ma, Như Lai không thuyết pháp cho các đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai.

Này Ác ma, Như Lai có hướng dẫn cho các đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai. Này Ác ma, Như Lai không hướng dẫn cho các đệ tử, Như Lai cũng vẫn là Như Lai.

Vì sao vậy? Này Ác ma, đối với Như Lai, các lậu hoặc tương ứng với phiền não, đưa đến tái sanh, gây nên phiền lụy, đem đến quả khổ dị thực; đưa đến sanh, già, chết trong tương lai;

các lậu hoặc ấy đã được diệt trừ, được cắt đứt tận gốc, được làm như thân cây sa-la, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai.

Này Ác ma, ví như cây sa-la, dầu thân cây này bị chặt đứt, khiến không thể lớn lên được;

cũng vậy, này Ác ma, đối với Như Lai, các lậu hoặc tương ứng với phiền não, đưa đến tái sanh, gây nên phiền lụy, đem đến quả khổ dị thực, đưa đến sanh, già, chết trong tương lai;

các lậu hoặc ấy đã được diệt trừ, được cắt đứt tận gốc, được làm như thân cây sa-la, khiến không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai".

Gotama teaches the Dhamma will escape from my sphere."

Those recluses and brahmins of yours, Evil One, who claimed to be fully enlightened, were not fully enlightened. But I, who claim to be fully enlightened, am fully enlightened.

If the Tathāgata teaches the Dhamma to disciples he is such, Evil One, and if the Tathāgata does not teach the Dhamma to disciples he is such.⁵¹⁶

If the Tathāgata guides disciples he is such, Evil One, and if the Tathāgata does not guide disciples he is such.

Why is that? Because the Tathāgata has abandoned the taints that defile, bring renewal of being, give trouble, ripen in suffering, and lead to future birth, ageing, and death;

he has cut them off at the root, made them like a palm stump, done away with them so that they are no longer subject to future arising.

Just as a palm tree whose crown is cut off is incapable of further growth,

so too, the Tathāgata has abandoned the taints that defile them off at the root, made them like a palm stump, done away with them so that they are no longer subject to future arising."

Như vậy, vì Ác ma đã thất bại, không thể thuyết phục (Ta), vì có lời mời Phạm thiên, nên bài trả lời này cũng được gọi là *Kinh Phạm Thiên Cầu Thỉnh*.

31. Thus, because Māra was unable to reply, and because [it began] with the Brahmā's invitation, this discourse is entitled "On the Invitation of a Brahmā."

Notes

The bracketed numbers [] embedded in the text refer to the page number of the Pali Text Society's edition of the *Majjhima Nikāya* (except for MN 92 and MN 98, wherein the numbers refer to the PTS edition of the Sutta Nipāta).

499. The *Mūlapariyāya Sutta* (MN 1) was also delivered by the Buddha while he was living in the Subhaga Grove at Ukkaṭṭhā, and the similarity in formulation and theme between these two suttas—perhaps the only two recorded as originating at Ukkaṭṭhā—is striking. It is even possible to see the present sutta as a dramatic representation of the same ideas set forth by the *Mūlapariyāya* in abstract philosophical terms. Thus Baka the Brahmā may be taken to represent *being* (*bhava*) or personality (*sakkāya*) in its most eminent form, blindly engaged in the activity of *conceiving* (*mannanā*), sustaining itself with its delusions of permanence, pleasure, and selfhood. Underlying being is *craving*, symbolised by Māra—seemingly inconspicuous in the assembly, yet the real author of all the outpourings of conceiving, the one who holds the entire universe in his grip. The alliance of Brahmā and Māra, God and Satan, an incomprehensible union from the perspective of Western theism, points to the thirst for continued being as the hidden root of all world affirmation, whether theistic or non-theistic. In the sutta the superficial theoretical contest between Baka and the Buddha soon gives way to a gripping deep-level

confrontation between Māra and the Buddha—Māra as craving demanding the affirmation of being, the Enlightened One pointing to the cessation of being through the uprooting of delight.

500. A similar encounter between the Buddha and Baka is recorded at SN 6:4/i.142–44, though without the dramatic trappings of this meeting and with an extended exchange in verse. According to MA and MṬ, he held this eternalist view with regard to both his own individual personality and the world over which he presided. His denial of an “escape beyond” is a rejection of the higher jhāna planes, the paths and fruits, and Nibbāna, none of which he even knows exist.

501. MA: When Māra discovered that the Buddha had gone to the Brahma-world, he became anxious that the Brahmās might be won over to the Dhamma and escape from his control; thus he went there to discourage the Buddha from teaching the Dhamma.

502. MA: Because they considered it to be impermanent, suffering, and not self.

503. MA: In the four states of deprivation. Here, and at §10 and §29, the word “body” (*kāya*) is used to mean plane of existence.

504. MA: They lauded it by speaking praise of it as permanent, everlasting, eternal, etc., and delighted in it by way of craving and views.

505. MA: In the Brahma-world.

506. MA: Māra's intention is to show: "If you do as Brahmā says without overstepping his word, you too will shine with the same splendour and glory as that with which the Brahmā's Assembly shines."

507. MA says that by the first two terms he tries to cajole the Buddha, by the remaining two terms he threatens him. To "hold to earth" is to grasp it by way of craving, conceit, and views. The list of categories here, though condensed, is reminiscent of MN 1.

508. MA: Baka Brahmā was a Brahmā exercising sovereignty over a thousand world-systems, but above him there are Brahmās exercising sovereignty over two, three, four, five, ten thousand, and a hundred thousand world-systems.

509. The body of Streaming Radiance is a realm of rebirth pertaining to the second jhāna, while Baka Brahmā's realm pertains only to the first jhāna. The body of Refulgent Glory and the body of Great Fruit in the next paragraph pertain to the third and fourth jhānas.

510. In the *Brahmajāla Sutta* (DN 1.2.2–6/ii.17–19) the Buddha shows how Mahā Brahmā gives rise to the delusion that he is the supreme creator God. When the world begins to form again after a period of dissolution, a being of great merit is the first to be reborn in the newly formed Brahma-world. Subsequently, other beings take rebirth in the Brahma-world and this causes Mahā Brahmā to imagine that he is their creator and master. See Bodhi, *The Discourse on the All-Embracing Net of Views*, pp. 69–70, 159–166.

511. This passage, parallel in structure to the corresponding passage of MN 1, is a difficult one. The negative verb differs among the three editions I consulted. PTS has *nāhoṣi*, BBS *nāpahosiṃ*, SBJ *nāhoṣiṃ*. Ñm preferred *nāpahosiṃ*, which he took to be an aorist of *pabhavati*, meaning “to produce, to give being to.” It is much more likely, however, that *nāpahosiṃ* should be resolved simply as *na + api + ahoṣiṃ*. Thus the meaning does not differ significantly between BBS and SBJ. MA glosses: “I did not grasp earth through the obsessions of craving, conceit, and views.” Ñm had rendered *ananubhūtaṃ* as “not co-essential with.” This has been replaced by “not partaken of by,” following MA’s gloss, “not reached by earth” and MṬ: “Its nature is not shared with earth.” MA says that what is “not partaken of by the earthness of earth” is Nibbāna, which is detached from all that is conditioned.

512. PTS is surely mistaken in omitting here the *tī* ending a direct quotation; this misleads Horner into ascribing the following passage to Baka rather than to the Buddha (MLS 1:392). BBS and SBJ supply *tī*. Baka seems to be suggesting that since the object of the Buddha’s knowledge “is not partaken of by the allness of all,” it might be merely an empty concept.

513. In the first edition, I retained Ñm’s own translation of these lines, which read:

The consciousness that makes no showing,
Nor has to do with finiteness,
Not claiming being with respect to all.

In retrospect, I find this rendering far from satisfactory and thus here offer my own. These lines (which also appear as part of a full verse at DN 11.85/i.223) have been a perennial challenge to Buddhist scholarship, and even Ācariya Buddhaghosa seems to founder over them. MA takes the subject of the sentence to be Nibbāna, called “consciousness” (*villāṇaṃ*) in the sense that “it can be cognized” (*vijānitabbam*). This derivation is hardly credible, since nowhere in the Nikāyas is Nibbāna described as consciousness, nor is it possible to derive an active noun from the gerundive. MA explains *anidassanaṃ* as meaning invisible, “because it (Nibbāna) does not come within range of eye-consciousness,” but again this is a trite explanation. The word *anidassana* occurs at MN 21.14 in the description of empty space as an unsuitable medium for painting pictures; thus the idea seems to be that of not making manifest.

MA offers three explanations of *sabbato pabham*: (1) completely possessed of luminosity (*pabhā*); (2) possessing being (*pabhūtam*) everywhere; and (3) a ford (*pabham*) accessible from all sides, i.e., through any of the thirty-eight meditation objects. Only the first of these seems to have any linguistic legitimacy. Nm, in Ms, explains that he takes *pabham* to be a negative present participle of *pabhavati*—*apabham*—the negative-prefix a dropping off in conjunction with *sabbato*: “The sense can be paraphrased freely by ‘not predicating being in relation to “all,”’ or ‘not assuming of “all” that it is or is not in an absolute sense.’” But if we take *pabham* as “luminous,” which seems better justified, the verse links up with the idea of the mind as intrinsically luminous (*pabhassaram idaṃ cittaṃ*, AN i.10) and also suggests the light of wisdom (*pallāpabhā*), called the best of

lights (AN ii.139). I understand this consciousness to be, not Nibbāna itself, but the arahant's consciousness during the meditative experience of Nibbāna. See in this connection AN v.7–10, 318–26. Note that this meditative experience does not make manifest any conditioned phenomena of the world, and thus may be truly described as “non-manifesting.”

514. The Buddha's disappearance seems to be a “visible” demonstration of his verse. Having extirpated delight in being, he is able to vanish from the sight of Baka, the supreme representative of being and world affirmation. But Baka, bound to being by clinging, cannot transcend the range of the Buddha's knowledge, which encompasses both being and non-being at the same time that it transcends them.

515. This is the same inclination that arose in the Buddha's mind in the period immediately after his enlightenment— see MN 26.19. Compare also DN 16.3.34/ii.112 where Māra attempts to persuade the newly enlightened Buddha to pass away peacefully at once.

516. *Tādiso*: that is, whether he teaches or not he remains the Tathāgata.